TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số 312/2018/QĐST-HNGĐ

N, ngày 29 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Luật Phí và Lệ Phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 446/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Trần Quốc H, sinh năm 1983

Chị Bạch Thị Hồng N, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố số A, phường B, quận N, thành phố Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc H và chị Bạch Thị Hồng N tự nguyện kết hôn và có đăng kí kết hôn tại UBND xã C, huyện N, thành phố Hà Nội (nay là phường D, quận N, thành phố Hà Nội) ngày 09/03/2010. Trong quá trình chung sống, anh H, chị N chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nay anh H, chị N đều xác định tình cảm không còn và không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân này nên anh H và chị N đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

2. Về con chung: Anh H, chị N có 02 con chung là M, sinh ngày 27/08/2011 và T, sinh ngày 15/10/2013. Anh H và chị N thống nhất giao cháu M và cháu T cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng cho hai cháu T và M 6.000.000 đồng/ tháng (sáu triệu đồng) từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi cháu M và cháu T tròn 18 tuổi.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Anh Trần Quốc H và chị Bạch Thị Hồng N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Anh Trần Quốc H và chị Bạch Thị Hồng N không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

5. Về lệ phí: Anh Trần Quốc H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm

Đã hết 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành , không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Quốc H và chị Bạch Thị Hồng N thuận tình ly hôn

- *Về con chung:*

- Giao cháu M và cháu T cho chị Bạch Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H cấp dưỡng cho hai cháu M và T 6.000.000 đồng/ tháng (sáu triệu đồng) từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi cháu T và cháu M tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

- *Về tài sản chung*: Anh Trần Quốc H và chị Bạch Thị Hồng N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về nợ chung*: Anh Trần Quốc H và chị Bạch Thị Hồng N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Quốc H tự nguyện chịu cả 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí anh Trần Quốc H đã nộp theo biên lai số xxx ngày 19 /11 /2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N. Anh Trần Quốc H đã nộp đủ lệ phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-TAND TP Hà Nội
-Chi cục THADS Quận N
-VKSND Quận N;
-UBND phường D, quận N, TP Hà Nội
-Lưu hồ sơ vụ án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM
Thẩm phán

Phan Thị Kim Thanh